

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày: 22-4-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh H g;

Bà Nguyễn Thị Rạt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên;

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2022/TLST-ST, ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 04 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Võ Khải H**, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã ĐHD, huyện Đ, tỉnh L ; Chỗ ở: ấp 2, xã ĐHD, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên cha: Trần Văn T, sinh năm 1964 (sống); Mẹ: Võ Thị Thanh Ng, sinh năm 1966 (sống); Họ và tên vợ: Võ Thị Thu C, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm 2010; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến ngày 28/01/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thanh A , sinh năm 1987. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thiện C, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

2. Bà Cù Thị Thu H, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu hành chính 2, phường Đ, thành phố V Y, tỉnh V

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, Xã L G, huyện C, tỉnh A.

4. Bà Đặng Ngọc H G, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 126/37 Bùi Minh T, phường 5, quận 8, thành phố H.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1971.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 01 năm 2021, Trần Võ Khải H đến quán cà phê của ông Nguyễn Thiện C thuộc ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L để uống cà phê. Tại đây, H có gặp và nói chuyện với vợ của ông C tên Nguyễn Thanh A. Trong lúc nói chuyện, bà A có nói với H về việc ông C bị nghiện ma túy nên bà A muốn đưa ông C đi cai nghiện ma túy. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà A để có tiền tiêu xài cá nhân nên H tự giới thiệu mình đang công tác tại Công an tỉnh L và nói H có thể đưa ông C đi cai nghiện ma túy với chi phí làm hồ sơ, thủ tục là 40.000.000 đồng. Tại đây, H lấy còng tay số 8, màu trắng ra cho bà A nhìn thấy để tin tưởng H đang công tác trong ngành Công an nên bà A đồng ý. Sau đó, H cho bà A số điện thoại 0906804415 của H và kêu bà A kết bạn Zalo với H để cung cấp thông tin của ông C qua tin nhắn Zalo cho H để làm hồ sơ đưa ông C đi cai nghiện ma túy.

Đến khoảng 09 giờ ngày 06/4/2021, H đến quán cà phê không biển hiệu thuộc ấp Mới 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L uống cà phê và điện thoại yêu cầu bà A đưa cho H số tiền 40.000.000 đồng chi phí làm thủ tục đưa ông C đi cai nghiện ma túy. Bà A kêu H nhắn số tài khoản ngân hàng của H để bà A chuyển tiền cho H. Do H không có mở tài khoản tại ngân hàng nên H mượn số tài khoản của bà Cù Thị Thu H (bạn của H) để đưa cho bà A chuyển tiền cho H. Do tài khoản của bà Cù Thị Thu H bị lỗi không nhận tiền chuyển khoản được nên H nhờ bà Hằng mượn số tài khoản của bạn tên Nguyễn Thị K nhận dùm số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, Hằng gửi số tài khoản của bà Kiều qua tin nhắn Zalo cho bà A. Sau khi nhận tin nhắn qua Zalo, bà A chuyển tổng cộng hai lần qua số tài khoản số 0381002995043 cho người nhận tên Nguyễn Thị K với số tiền 40.000.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 06/4/2021, Hằng gọi điện thoại cho H biết đã nhận được số tiền 40.000.000 đồng chuyển khoản từ tài khoản của Kiều, Hằng kêu H đi rút tiền tại Ngân hàng Sài Gòn thương tín (Sacombank) chi nhánh Đ rút 40.000.000 đồng rồi đưa cho H cất giữ xong, sau đó H và H ra về.

Đến ngày 10/4/2021, bà A không thấy H làm hồ sơ để đưa ông C đi cai nghiện ma túy nên nhiều lần điện thoại hỏi H. H sợ bị phát hiện nên đến quán cà phê không biển hiệu tại ấp Mới 2, xã M uống cà phê và lên mạng Internet xem thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc rồi chụp màn hình vào điện thoại thông báo nói trên và đi đến nhà sách nhờ in. Sau đó, H chuyển hình ảnh qua Zalo ghi thông tin của C vào tờ thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc rồi gửi qua Zalo của bà A. Bà A xem thì phát hiện sai thông tin của ông C và phát hiện H không phải là lực lượng Công an nên liên lạc với H kêu H trả lại số tiền 40.000.000 đồng nhưng không liên lạc được H vì thời gian này là thời điểm cách ly toàn xã hội do dịch Covid 19 nên bà A không tìm được H. Đến ngày 29/11/2021, bà A trình báo sự việc cho Cơ quan Công an yêu cầu xử lý hành vi của H theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSĐH ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Võ Khải H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm mà bị cáo Trần Võ Khải H gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố bị cáo Trần Võ Khải H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Võ Khải H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thanh A sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt tổng cộng là 40.000.000 đồng, bà A không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với cái cồng tay số 8, màu trắng là công cụ bị cáo H sử dụng vào mục đích phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đánh giá về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với bị hại bà Nguyễn Thanh A (đã nhận lại tài sản); ông Nguyễn Thiện C, bà Cù Thị Thu H, bà Nguyễn Thị K, bà Đặng Ngọc Hương G là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 293 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[2.1]. Hành vi khách quan của bị cáo Trần Võ Khải H đã thực hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Võ Khải H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khi biết bà Nguyễn Thanh A có nhu cầu đưa chồng là ông Nguyễn Thiện C đi cai nghiện nên Trần Võ Khải H tiếp cận bà An, H tự giới thiệu mình đang công tác tại Công an tỉnh L và hứa hẹn có thể đưa ông C đi cai nghiện ma túy với chi phí là 40.000.000đồng. Để làm tin, H lấy cái còng tay số 8, màu trắng cho bà A nhìn thấy để tin tưởng H đang công tác trong ngành Công an. Sau đó, H cho bà A số điện thoại 0906804415 của H và kêu bà A kết bạn Zalo để cung cấp thông tin của ông C qua tin nhắn Zalo để làm hồ sơ đưa ông C đi cai nghiện ma túy. Sau đó, bà A tin tưởng chuyển vào số tài khoản do H đưa là 40.000.000đồng nhưng không thấy H cung cấp hồ sơ để đưa ông C đi cai nghiện ma túy và không liên lạc được với H. Đến ngày 29/11/2021, bà A trình báo sự việc cho Cơ quan Công an để yêu cầu xử lý hành vi của H theo quy định pháp luật.

Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Võ Khải H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại bà Nguyễn Thanh A; phù hợp lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đúng về thời gian, số tiền bị chiếm đoạt của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khách quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp nội dung cáo trạng.

[2.2]. Hội đồng xét xử đánh giá: có căn cứ xác định bị cáo Trần Võ Khải H là người đã thành niên có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thanh A số tiền 40.000.000đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác

định hành vi của bị cáo Trần Võ Khải H đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Có cơ sở xác định Cáo trạng số 22/CT-VKSĐH ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Võ Khải H theo tội danh, Điều luật trên là H toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

- Về tình tiết định khung: Hành vi của bị cáo Trần Võ Khải H không thuộc tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Võ Khải H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng khác theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Võ Khải H chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục toàn bộ tiền chiếm đoạt cho bị hại; có nơi cư trú rõ ràng, có ông bà nội là người có công với cách mạng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử thấy bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, gia cảnh khó khăn và có ý thức ăn năn nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo bị cáo Trần Võ Khải H cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* Bà Nguyễn Thanh A sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt tổng cộng là 40.000.000đồng, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đề cập xử lý.

[5]. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với cái còng tay số 8, màu trắng là công cụ bị cáo H sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với bà Cù Thị Thu H, Nguyễn Thị K có hành vi cho bị cáo H mượn số tài khoản ngân hàng để nhận tiền của bà Nguyễn Thanh A. Xét về ý thức chủ quan bà Hằng, bà Kiều không biết nguồn gốc số tiền bà A chuyển cho H. Bà Hằng, bà Kiều không có thỏa thuận cũng không có thu lợi gì từ việc cho bị cáo H mượn số tài khoản để nhận tiền chuyển khoản từ bà A nên hành vi của bà Hằng và bà Kiều không đủ yếu tố cấu thành tội phạm có liên quan nên không xem xét là phù hợp.

Ngoài ra để thực hiện tội phạm, bị cáo Trần Võ Khải H có hành vi sử dụng còng số 8 để nhằm cho bị hại Nguyễn Thanh A tin tưởng bị cáo làm trong ngành công an. Tuy nhiên, xét bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự về hành vi sử dụng công cụ

hỗ trợ và các loại vũ khí khác, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về tội theo qui định tại Điều 306 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành vi này của bị cáo H theo tội danh trên là phù hợp.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trần Võ Khải H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Võ Khải H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Võ Khải H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Võ Khải H về nơi thường trú là Ủy ban nhân dân xã ĐHĐ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Võ Khải H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Võ Khải H được cho hưởng án treo nhưng cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Võ Khải H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái còng tay số 8, màu trắng.

(Tang vật trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2022).

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Võ Khải H nộp 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

5. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7, 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THADS huyện Đức Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã Đức Hòa Đông;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh H g – Nguyễn Thị Rạt

Nguyễn Khắc Linh Duy

Hội Thẩm Nhân Dân

Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Chí Lin – Trương Thị Kim Tiên Nguyễn Khắc Linh Duy

